

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa**Tập 195****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyên ngữ: Minh Tiến****Giáo chánh và hiệu đính: Đức Phong, Huệ Trang và Như Hòa**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang thứ hai trăm ba mươi, hàng thứ năm đếm từ dưới lên, xem từ câu thứ nhì:

“*Phục dĩ cụ túc vô lượng bất khả tư nghị trang nghiêm, cố vạn vật nghiêm tịnh, cùng vi cực diệu, quang oánh như kính, triệt chiếu thập phương, xúc quang an lạc, cấu diệt thiện sanh. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh*” (Cũng do đầy đủ vô lượng công đức chẳng thể nghĩ bàn nên vạn vật nghiêm tịnh, vi diệu đến cùng cực, sáng láng như gương, chiếu tốt cùng mười phương. Được quang minh chiếu đến, liền an lạc, cấu diệt, thiện sanh. Mùi hương xông khắp, chúng sanh trong mười phương thế giới ngửi thấy đều tu Phật hạnh). Chúng ta xem đến chỗ này. Đoạn kinh văn này thuật lại tình hình sau khi Tỳ-kheo Pháp Tạng kiến tạo thành tựu cõi Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc từ đâu mà có, được xây dựng như thế nào, trong phần trước đã trình bày rồi. Tại sao thế giới ấy tốt đẹp như vậy, [những điều này] rất đáng cho chúng ta học tập. Tỳ-kheo Pháp Tạng tham quan, thăm hỏi, khảo sát các cõi nước của mười phương chư Phật, Ngài đến những cõi ấy chọn lấy những điều tốt, bỏ những điều xấu của mỗi thế giới, chọn lọc như vậy rồi xây dựng thế giới Cực Lạc. Do vậy, trong các cõi nước chư Phật, thế giới này là thuần tịnh, thuần thiện, chư Phật cũng khen ngợi, xưng tán A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh tôn quý nhất, là vua trong các vị Phật). Cảnh giới của Phật, Bồ Tát chẳng giống như cảnh giới cõi người; khi thấy kẻ khác tốt đẹp, con người sẽ khởi lòng đố kỵ, trong cảnh giới Phật, Bồ Tát chẳng như vậy. Không chỉ chẳng đố kỵ, mà còn sanh tâm hoan hỷ, khen ngợi hoàn cảnh tu học tốt đẹp như vậy. Vì thế, mười phương chư Phật chẳng vị nào không chiêu sinh giùm Ngài, giúp Ngài tuyên truyền, thậm chí còn gọi học trò giỏi của mình đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến đó để làm gì? Để được huấn luyện, đến đó bèn có thể thành Phật. Đây là tôi thuật lại những điều đã nói trong đoạn trước, chúng ta có thể thấy thế giới đó tốt đẹp và ảnh hưởng của nó.

Thế giới Cực Lạc “*cụ túc vô lượng trang nghiêm bất khả tư nghị*” (đầy đủ vô lượng trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn), câu này là nói tổng quát. Chúng ta gọi “*trang nghiêm*” là “*chân thiện mỹ huệ*”. Trong thế gian này, nói thật ra, “*chân thiện mỹ huệ*” chỉ là hữu danh vô thực; trong thế giới Cực Lạc mới là có thật, chẳng giả. Trong sáu câu tiếp theo, đối với từ ngữ “*vạn vật nghiêm tịnh*”, “*ng nghiêm*” là trang nghiêm, “*tịnh*” là thanh tịnh, cũng là nói thế giới ấy là cõi Tịnh Độ, chẳng có mây may ô nhiễm nào! Không chỉ vật chất chẳng bị ô nhiễm, mà tinh thần càng chẳng bị ô nhiễm. “*Cùng vi cực diệu*” là lời lẽ hình dung, “*cùng*” (窮) nghĩa là cùng tận, [“*cùng vi cực diệu*” là] vi diệu tới cùng cực, chẳng có cách nào diễn tả được! Ánh sáng từ nơi ấy rạng ngời như gương soi vậy. “*Triệt chiếu thập phương*” [nghĩa là] chiếu soi mười phương thế giới rõ ràng, chiếu hết sức tỉ mỉ. “*Xúc quang an lạc*” nghĩa là chúng sanh trong mười phương thế giới đều có thể tiếp xúc ánh sáng ấy. Thế giới [Sa Bà] này có thuộc trong phạm vi của ánh sáng ấy hay không? Có! Tại sao chúng ta không cảm thấy? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói điều này rất nhiều, đó là vì chúng ta có chướng ngại. Thí dụ như lúc mặt trời chiếu sáng khắp mặt đất, chúng ta ra ngoài cứ khăn khăn che dù, không để ánh mặt trời chiếu tới. Vì chúng ta che dù nên ánh mặt trời không chiếu tới, đó là chính mình có chướng ngại. Hiện thời, chướng ngại của chúng ta là gì? Kinh đã nói rất rõ ràng, chướng ngại của chúng ta chính là tập khí phiền não. Phiền não vô lượng vô biên, nhằm dạy học thuận tiện, đức Phật đã quy nạp vô lượng vô biên phiền não thành ba loại lớn: Loại thứ nhất là Căn Bản Vô Minh. Vô minh là gì? Là chúng ta đã mê. Trong Phật pháp đã nói rất rõ: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Thật ra, chúng ta chẳng khác Tỳ Lô Giá Na Phật, chẳng khác A Di Đà Phật; thật vậy, chẳng giả! Tại sao nay lại khác biệt lớn như vậy? Các Ngài giác ngộ, còn chúng ta mê hoặc. Do đó, phiền não thứ nhất là mê, mê mất tự tánh, chẳng biết mình là gì, đây là phiền não thứ nhất, gọi là Căn Bản Phiền Não. Thứ nhì là phân biệt, thứ ba là chấp trước. Phân biệt còn gọi là Trần Sa Phiền Não, chữ “*trần sa*” (cát bụi) hình dung những ý niệm phân biệt rất nhiều. Ý niệm trước vừa diệt, ý niệm sau liền khởi lên, nên dùng trần sa để tỷ dụ. Chấp trước còn gọi là Kiến Tư Phiền Não; Kiến là kiến giải, Tư là tư tưởng, cũng có nghĩa là quý vị đối với người, đối với sự, đối với hết thấy vạn vật, quý vị nhìn sai lầm, suy nghĩ sai lầm. Những gì Phật pháp dạy chúng ta chẳng ngoài chuyện nhận biết Thật Tướng của các pháp, tức là chân tướng của hết thấy các pháp. Khi quý vị đã nhận biết chân tướng, sẽ không mê nữa, sẽ không phân biệt nữa, mà cũng không chấp trước nữa, chướng ngại sẽ bị diệt trừ. Đến lúc đó, quý vị sẽ thấy Phật quang đích thực đang chiếu soi nơi này, chúng ta sẽ cảm nhận được, thật sự biết Phật quang đang chiếu đến thân chúng ta.

Câu kế tiếp nói đến sự lợi ích sẽ đạt được [do Phật quang chiếu soi], thứ nhất là “*cấu diệt*”, thứ nhì là “*thiện sanh*”. Cấu (垢) nghĩa là nhiễm ô, nghĩa là phiền não. [“*Cấu diệt*” là] phiền não sẽ đoạn dứt, khi Phật quang chiếu tới thì phiền não liền dứt. Khi phiền não chẳng còn, thiện căn sẽ sanh khởi. “*Cấu diệt thiện sanh*” có lợi ích quá lớn. Trong giáo pháp Đại Thừa, chữ Thiện này được gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, chẳng phải là Thiện thông thường, chẳng phải là Thiện trong thiện - ác bình thường, thiện kiểu ấy chẳng đáng kể. Thiện ở đây là kiến tánh, tức là thành Phật, quý vị và chư Phật Như Lai có cùng một cảnh giới. Không chỉ có Quang, mà còn có Hương. “*Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh*” (Mùi hương xông khắp mười phương thế giới, chúng sanh ngửi thấy đều tu Phật hạnh), Phật quang và Phật hương chúng ta đều có. Không chỉ riêng chúng ta có, mà hết thấy hiện tượng vật chất đều có, tại sao? Vì chẳng lìa tự tánh, đó là đức tánh vốn sẵn có trong tự tánh. Sau khi mê mất tự tánh, đức tướng đó bị biến chất, chẳng còn có tác dụng như thuở đầu, chúng ta phải hiểu sự thật này, phải hiểu lý này. Mười mấy năm qua, tiến sĩ Giang Bồn Thắng ở Nhật đã làm thí nghiệm với nước, nước là khoáng vật, [những cuộc thí nghiệm ấy] chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe, và hiểu được ý nghĩ của con người. Chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, trong phòng thí nghiệm, quý vị [dùng kính hiển vi để nhìn] sẽ thấy nước kết tinh vô cùng đẹp đẽ. Nếu dùng ác niệm đối với nó, nước sẽ phản ứng bằng cách kết tinh rất xấu xí. Thí nghiệm mấy triệu lần đều chứng tỏ điều này là thật, chứ chẳng giả. Đại Thừa Phật pháp thường diễn tả điều này là “*bất cứ hiện tượng vật chất nào cũng đều có kiến, văn, giác, tri*”, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã thí nghiệm và chứng minh điều ấy. Phản ứng thì sao? Phản ứng gồm có sắc, thanh, hương, vị, hiện nay ông ta chỉ thấy được phản ứng nơi sắc mà thôi, còn hương thì chưa thí nghiệm được, âm thanh và mùi vị cũng chưa thí nghiệm được! Tôi nói với tiến sĩ Giang Bồn Thắng: “Phật pháp là khoa học cao cấp. Hiện thời, ông mới phát hiện một điều, còn ba điều chưa làm được, nhưng chúng chắc chắn là có, hãy tiếp tục nghiên cứu”. Không chỉ nước mới có, mà cát, bụi, tro cũng có. Sau đó, ông nghiên cứu phân tử, nguyên tử, điện tử, hạt cơ bản. Hiện tại, các nhà Lượng Tử Lực Học đã nghiên cứu, nhận thấy còn một thứ nhỏ hơn nữa là “*tiểu quang tử*”, có lẽ nó là hạt nhỏ nhất, chẳng thể phân chia nhỏ hơn nữa, họ đã thấy được thứ này. Tiểu quang tử nhỏ như vậy mà cũng có kiến, văn, giác, tri.

Trong kinh Phật có nói, quý vị thấy rất nhiều người niệm Tâm Kinh, kinh này rất phổ biến, câu đầu tiên là “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. Ngũ Uẩn được nói trong Phật pháp chính là tiểu quang tử. Một hạt nguyên tử hoặc điện tử cũng do Ngũ Uẩn

hợp thành. Sắc là hiện tượng vật chất, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là hiện tượng tinh thần, chắc chắn những thứ do nó (nguyên tử hoặc điện tử) phát ra sẽ có hình tướng, âm thanh, và hương vị. Do đó, trong Phật pháp, toàn thể vũ trụ là sống động, chẳng phải là chết cứng. Đối với âm thanh, chúng ta cũng phóng quang, nhưng quang minh của chúng ta xen tạp tập khí phiền não nên quang minh ấy chẳng tốt đẹp. Phật chẳng có phiền não, chẳng lo lắng, chẳng có thị phi, nhân ngã, chẳng có tập khí, nên quang minh của Phật là quang minh nguyên sơ, chẳng bị biến chất mảy may, còn quang minh của chúng ta đã biến chất. Các khoa học gia nói mỗi người đều là một đài phát xạ, tư tưởng của chúng ta có quang minh, khởi tâm động niệm đều có quang minh. Làn sóng ánh sáng ấy vừa phát ra, bèn lan truyền trọn khắp pháp giới hư không giới, toàn thể đều là một hiện tượng dao động. Vũ trụ là một màng lưới dao động, giống như mạng Internet trong hiện tại. Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, chỉ cần dấy lên một ý niệm, tốc độ của làn sóng chấn động bởi ý niệm ấy rất nhanh. Làn sóng từ vật chất phát ra chẳng thể sánh bằng làn sóng phát ra từ tinh thần. Khi ý niệm vừa khởi lên, [làn sóng ấy] liền lập tức trọn khắp hư không giới. Sóng của hiện tượng vật chất còn có hạn chế, hiện thời chúng ta cho rằng [tốc độ của] sóng ánh sáng nhanh nhất, ba trăm ngàn cây số trong một giây, đó là nói về vật chất. Nhưng khi chúng ta khởi ý niệm, sóng ý niệm nhanh hơn sóng ánh sáng rất nhiều, chẳng thể so sánh. Khi ý niệm vừa khởi lên, toàn thể pháp giới hư không giới đều nhận được. Hằng ngày chúng ta cũng nhận sóng từ vũ trụ, bản thân chúng ta cũng phát ra sóng, nhưng chính chúng ta cũng không biết. Đến lúc tâm thanh tịnh thì sẽ nhận biết.

Kinh dạy chúng ta mục tiêu tu hành, thứ nhất là tâm thanh tịnh, thứ nhì là tâm bình đẳng, thứ ba là giác. Giác nghĩa là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong ba tầng cấp này, A La Hán chứng đắc thanh tịnh, Bồ Tát chứng đắc bình đẳng, Phật chứng đắc giác. Ba tầng lớp ấy, cao nhất là giác, thấp nhất là thanh tịnh. Ngày nay chúng ta học tập, tầng thấp nhất cũng chưa đạt được. Chúng ta nhất định phải đạt được thanh tịnh thì mới thật sự được thọ dụng trong Phật pháp. Sự thọ dụng ấy đúng là *“sự hưởng thụ cao nhất trong đời người”* như tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nói vào thuở trước. Đối với sự hưởng thụ cao nhất, trong Phật pháp, câu đầu tiên là Lìa Khổ Được Vui. Chuyện này chẳng dính dáng gì đến địa vị xã hội, chẳng liên quan đến của cải, giàu sang. Nếu thật sự đạt được, quý vị sẽ vui sướng khôn sánh, mỗi ngày quý vị đều sống trong thế giới vui sướng, vô cùng hạnh phúc! Đó là gì? Do tâm thanh tịnh mà có, quý vị vốn có [sự vui sướng ấy], nó chẳng đến từ bên ngoài. Những gì tìm từ bên ngoài đều chẳng thật, lại còn có tác dụng phụ. [Chúng ta] phải tìm sự vui sướng từ nội tâm. Trong Luận Ngữ có ghi lại cảnh giới của

Không lão phu tử: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi thực tập, cũng chẳng vui sướng sao), chữ “*duyet*” (悅) là hỷ duyệt (vui sướng), do đâu mà có? Từ học tập mà có. Học tập, chữ “*tập*” (習) nghĩa là gì? Những gì ta học đều có thể áp dụng, thực hành trong đời sống, trong công việc, trong lúc xử sự, đãi người, tiếp vật, những gì học xong đều có thể áp dụng, quý vị sẽ vui sướng. Sự vui sướng đó chẳng đến từ bên ngoài, mà từ trong tâm lộ ra, thật sự vui sướng! Phật pháp nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” lại càng cao hơn cảnh giới [của Không Tử]. Do vậy, trong phần trước đã nói “*Phật quang phổ chiếu*”, đó chính là tự tánh, đức quang của tự tánh chiếu trọn khắp. Câu thứ nhì là “*kỳ hương phổ huân*” (hương ấy xông khắp), đó là tự tánh, toàn thể đều thuộc về tự tánh. Do đó, Quang chiếu trọn pháp giới hư không giới, Hương cũng trọn khắp pháp giới hư không giới; còn có hai thứ nữa là âm thanh và mùi vị vi diệu. Chúng sanh được thật sự tiếp xúc “*giai tu Phật hạnh*” (đều tu Phật hạnh). Phật nghĩa là Chánh Giác, thật sự giác ngộ, ngôn hạnh của Ngài chẳng mê hoặc, có thể hoàn toàn gìn giữ [sự giác ngộ].

Câu kế tiếp là “*kiến Bồ Đề thụ, chứng Vô Sanh Nhân*” (thấy cây Bồ Đề, chứng Vô Sanh Nhân), đây là cây Bồ Đề trong cõi Cực Lạc, chẳng phải cây Bồ Đề trong cõi này. Nếu quý vị thấy cây Bồ Đề trong cõi Cực Lạc, liền có thể chứng Vô Sanh Nhân. Vô Sanh Nhân là gì? Trước hết hãy nói về chữ Nhân. Nhân (忍) nghĩa là đồng ý, chấp thuận, khẳng định. Nhân có ba nghĩa ấy. Vô Sanh là gì? Hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. Trong Phật pháp, trong pháp Đại Thừa, người nào có thể chứng đắc [Vô Sanh]? Kinh giáo Đại Thừa nói Thất Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát, và Cửu Địa Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Thất Địa Bồ Tát chứng đắc hạ phẩm, Bát Địa chứng đắc trung phẩm, Cửu Địa chứng đắc thượng phẩm. Lên cao hơn nữa là Tịch Diệt Nhân, tức là thành Phật. Thập Địa Bồ Tát chứng đắc hạ phẩm Tịch Diệt Nhân, Đẳng Giác chứng đắc trung phẩm, Diệu Giác chứng đắc thượng phẩm. Tầng cấp cao như vậy, chúng ta thử nghĩ cây Bồ Đề trong cõi Cực Lạc có tác dụng gì? Có tác dụng dạy học, tuyệt đối chẳng phải là tầm thường. Nơi cây Bồ Đề, bất cứ điều gì quý vị cũng có thể thấy, giống như chúng ta xem TV, quý vị có thể thấy hình ảnh trong khắp mười phương thế giới. Đương nhiên những gì được hiển thị nhiều nhất nơi cây ấy cũng là thuận theo ý niệm của quý vị. Ta có thể thấy các Bồ Tát tu hành chứng quả trong mười phương, đem lại cho quý vị rất nhiều khái thị và ngộ xứ, nó có thể khởi lên tác dụng ấy. Nếu chẳng phải như vậy, tác dụng ấy do đâu mà có? Giống như tỳ-kheo Pháp Tạng theo thầy của Ngài là Tự Tại Vương Như Lai tham quan, khảo sát hết thấy cõi nước chư Phật, những cảnh giới ấy đều xuất hiện nơi cây Bồ Đề.

“*Diệu hiển Cực Lạc thế giới nhất trần nhất mao tất giai viên minh cụ đức*” (thế giới Cực Lạc hiển hiện đẹp đẽ, mỗi hạt bụi, mỗi sợi lông đều viên minh cụ đức). Mỗi hạt bụi, mỗi sợi lông là nói tới vật nhỏ nhất, y báo nhỏ nhất trong thế giới là một vi trần. “*Vi trần*” được nói trong kinh Phật thật ra là nguyên tử, lap tử (hạt cơ bản), điện tử như các nhà khoa học đã nói hiện thời. “*Nhất mao*” là sợi lông trên thân chúng ta, đó là chánh báo, chánh báo nhỏ nhất là đầu sợi lông này, đầu sợi lông rất nhỏ. “*Nhất mao, nhất trần*” là những vật nhỏ nhất trong chánh báo và y báo. Những vật nhỏ nhoi này đều trọn đủ “*viên minh cụ đức*”, “*viên*” là viên mãn, “*minh*” là quang minh, “*cụ*” là đầy đủ, “*đức*” là đức năng. Đức gì? Thí dụ như đầu sợi lông rất nhỏ, nhưng có thể dung nạp toàn thể vũ trụ, quý vị có thể tin chuyện này hay không? Chẳng thể nào tưởng tượng được. Một hạt bụi, một điện tử cũng có thể dung nạp cả vũ trụ, “*giới tử nạp Tu Di, Tu Di nạp giới tử*” (hạt cải dung nạp núi Tu Di, núi Tu Di dung nạp hạt cải). Vật lớn dung nạp vật nhỏ thì chúng ta dễ hiểu; nhưng vật nhỏ có thể dung nạp vật lớn, chúng ta chẳng có cách nào chấp nhận, chẳng thể hiểu điều này, nhưng sự thật là như vậy. Nhìn vào khoa học hiện thời, quý vị thường dùng máy điện toán, dùng những con chip trong cell phone, đại khái [một con chip] chỉ lớn bằng móng tay, mà chứa đựng bao nhiêu dữ kiện trong ấy, có bao nhiêu thông tin trong ấy, đó cũng chỉ là những phát minh trong vòng vài năm gần đây. Vẫn còn thua xa khi so với Phật pháp! Phật pháp nói trong một hạt nguyên tử, thậm chí một hạt quang tử, chứa đựng thông tin của toàn thể vũ trụ. Nếu so sánh hai việc này, quý vị sẽ thấy khoa học chẳng kỳ lạ, hiếm hoi gì, thua xa Phật pháp! Càng chẳng thể nghĩ bàn hơn nữa là thế giới chứa đựng trong một hạt vi trần lớn bằng thế giới bên ngoài, trong thế giới ấy lại có vi trần, trong hạt vi trần ấy lại có thế giới, trùng trùng vô tận! Khoa học chưa nói đến điều này, chưa phát hiện vấn đề này. Kinh Phật nói người nào có thể đi vào trong thế giới ấy để tham quan, tìm hiểu? Phổ Hiền Bồ Tát. Kinh Hoa Nghiêm nói Phổ Hiền Bồ Tát có thể đi vào thế giới bên trong một vi trần. Vậy thì chúng ta thử hỏi ai là Phổ Hiền Bồ Tát? Mỗi người vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Phẩm thứ hai của kinh này là phẩm Đức Tuân Phổ Hiền, kinh văn đã nói rõ ràng: Người trong thế giới “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tu theo đức của Phổ Hiền đại sĩ). Chúng ta biết Hoa Nghiêm là cảnh giới Phổ Hiền, Vô Lượng Thọ là cảnh giới viên mãn rốt ráo của Phổ Hiền đại sĩ. Những chuyện này chúng ta có thể không học hay sao?

Do [những gì] được các khoa học gia quốc tế phát hiện trong hiện tại ngày càng gần với Đại Thừa Phật pháp, chúng tôi cũng nhắn nhủ các nhà khoa học ấy, bảo họ, hiện thời còn có một số vấn đề mà khoa học lẫn triết học đều chưa giải quyết được, [giải đáp của] những vấn đề ấy hoàn toàn nằm trong kinh điển

Đại Thừa do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói từ ba ngàn năm trước. Những người nghiên cứu thế giới vĩ mô, khoa học hiện tại phát triển theo hai đối cực:

- Một nhóm nghiên cứu thế giới vĩ mô, quan sát vũ trụ, vũ trụ mênh mông. Họ dùng các dụng cụ khoa học tối tân nhất để quan sát vũ trụ. Họ kết luận: Chỉ thấy mười phần trăm vũ trụ, còn chín chục phần trăm vũ trụ họ chưa thấy được.

- Nhóm thứ nhì nghiên cứu thế giới vi mô, tức là Lượng Tử Lực Học. Nay họ đã hiểu rõ ràng, rành rẽ vũ trụ do đâu mà có. Bản chất của vật chất là tinh thần, tinh thần do đâu mà có? Vật chất do tinh thần mà có, vậy thì tinh thần do đâu mà có? Hiện thời họ đã tổng kết: “*Vô trung sanh hữu*” (Cái Có sanh từ cái Không), tinh thần sanh từ Không. Không làm sao sanh ra Có? Phật pháp đã sớm giải thích rõ ràng, minh bạch những vấn đề ấy. Còn chín chục phần trăm kia của vũ trụ sẽ đi về đâu? Trở về tự tánh, trở về Thường Tịch Quang. Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần. Vì thế, quý vị chẳng thể nào thăm dò, trắc lường được.

[Những người nghiên cứu] thế giới vi mô nói tới sự khởi nguyên của vũ trụ, khởi nguyên của các hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần và hiện tượng tự nhiên do đâu mà có? Phật pháp bảo “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, “*một niệm bất giác, nên có vô minh*”. Niệm thứ nhất bất giác, nên gọi là vô minh. Một niệm chẳng có nguyên nhân, chẳng có lý do, nhưng niệm thứ nhì sẽ có nguyên nhân: Niệm thứ nhất là nhân, niệm thứ hai là quả. Niệm thứ nhất chẳng có nguyên do, nên gọi là Vô Thi Vô Minh. Vô Thi Vô Minh là gì? Chẳng có khởi đầu! Chẳng có khởi đầu là gì? Chẳng có quá khứ, chẳng có tương lai, chẳng có khoảng cách, vấn đề ở ngay trong lúc đó. Các khoa học gia chẳng nói điều này. Do vậy, chúng tôi có lý do để tin tưởng rằng hai ba chục năm sau, Phật giáo sẽ chẳng phải là tôn giáo nữa. Phật giáo là khoa học cao cấp nhất trên thế giới này, chẳng phải là tôn giáo nữa. Các khoa học gia phải [nghiên cứu] Đại Thừa sâu hơn thì mới có thể thật sự giải quyết những vấn đề nan giải trên quả địa cầu này.

Quý vị nói tai nạn đang bày trước mắt, mọi người đều rất lo lắng, [một trong các lời dự đoán tai nạn năm] 2012 là do người Mỹ đề xướng. Trong các khoa học gia trên thế giới hiện nay, có phân nửa tin là tai nạn có thể xảy ra, còn phân nửa kia thì nói chẳng thể. Rốt cuộc thì chuyện này là thật hay giả? Vậy thì phải đến năm 2012 sẽ biết, sẽ rõ. Nhưng các khoa học gia đã đưa ra một cách giải thích gồm ba câu rất đơn giản, đó là kết luận của một người Mỹ. Ông Bó

Lai Đăng¹ là một khoa học gia Mỹ, khi nhận định về lời tiên đoán tai nạn 2012, đã phủ nhận chuyện ấy. Ông nói rất thú vị, cho rằng năm 2012 là cơ hội để toàn thể nhân loại bỏ ác, đề cao điều thiện, cải tà quy chánh, hết thảy mọi người hãy nên đoan chánh tâm niệm, hướng dẫn thế giới đạt đến chỗ tốt đẹp hơn. Trong câu này chỉ có mười hai chữ, quan trọng nhất là “*bỏ ác hướng thiện, cải tà quy chánh, đoan chánh tâm niệm*”, [làm được mười hai chữ trên đây thì] sẽ có thể giải quyết vấn đề này. Cách nói ấy rất giống với cách nói trong Phật pháp. Phật pháp bảo: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Nếu chúng ta buông bỏ hết thảy những ý niệm không chánh đáng, những ý niệm sai lầm, quay về giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả và tôn giáo thì vấn đề sẽ được giải quyết. Tại sao vậy? Tai nạn là do những ý niệm bất chánh cảm vờ. Thủy tai là do tham lam, tâm tham là nước. Bất luận là tham điều gì, chỉ cần quý vị có tâm tham thì sẽ có thủy tai (nạn lụt) xảy ra. Sấm khuể là hỏa tai, núi lửa bùng nổ, nhiệt độ địa cầu tăng lên, đều thuộc về hỏa, vì [con người] nổi nóng. Ngu si là phong tai, [tức là] ngu si sẽ chiêu cảm nạn gió. Ngạo mạn bất bình đẳng chiêu cảm động đất. Do đó, đức Phật dạy: “*Siêng tu Giới, Định, Huệ, diệt trừ tham, sân, si*” thì tai nạn gì cũng chẳng xảy ra. Bản thân quý vị sẽ được thân tâm khỏe mạnh, trăm bệnh chẳng sanh. Người ta thường nói bệnh chẳng thuộc về Hàn, bèn thuộc Nhiệt. Hàn là gì? Là tâm tham. Nhiệt là gì? Là tâm sân hận, hai thứ ấy là nguyên nhân sanh ra bệnh tật. Tâm quý vị chẳng có tham niệm, chẳng có sân niệm thì quý vị sẽ chẳng bị bệnh. Từ cá nhân đạt được thân thể khỏe mạnh, cho đến gia đình hạnh phúc mỹ mãn, xã hội hài hòa, thiên hạ thái bình, tai nạn trên địa cầu hoàn toàn được hóa giải, tất cả đều từ một đạo lý, đều từ tâm niệm của mỗi người chúng ta.

Như vậy thì điều gì là quan trọng? Giáo học quan trọng! Cổ thánh tiên hiền, đại thánh đại hiền đều theo đuổi công việc giáo học. Thích Ca Mâu Ni Phật rất phi phàm, xuất thân là hoàng tử. Nếu không xuất gia, Ngài sẽ là quốc vương, nhưng Ngài vứt bỏ ngôi vua, sống cuộc đời khổ hạnh của một vị Tăng, vì sao? Vì trong đó có Lạc. Phật pháp dạy chúng ta lìa khổ được vui. Nếu chẳng có Vui, ai chịu theo? Quý vị xem nhé, Ngài bắt đầu dạy học từ lúc ba mươi tuổi, đến bảy mươi chín tuổi bèn viên tịch, dạy học suốt bốn mươi chín năm,

¹ Gregg Braden từng là chuyên viên điện toán địa chất cho công ty dầu hỏa Phillips Petroleum vào những năm 1970, rồi làm chuyên viên thiết kế cao cấp cho hệ thống điện toán của hãng dịch vụ quốc phòng hàng không Martin Marietta. Năm 1991, ông từng làm Quản Trị Trưởng của phân bộ Dịch Vụ Kỹ Thuật trong hãng Cisco (hãng chuyên sản xuất các máy móc và các nhu liệu phục vụ kỹ thuật điều hành, quản trị hệ thống máy tính). Các tác phẩm nổi tiếng của ông là *The Isaiah Effect*, *The God Code* (mật mã của Thượng Đế), *The Divine Matrix* (Ma trận thiêng liêng), *The Spontaneous Healing of Belief* (tạm dịch Liệu Pháp Tự Phát Bằng Niềm Tin). *Tờ Thời Báo Nữ Ước* (Newyork Times) đã đánh giá ông là tác giả có sách bán chạy nhất vào năm 2008.

chưa từng nghỉ một ngày nào, mỗi ngày đều vui thích, chẳng chán ngán. Học trò của Ngài kết tập [lời Phật dạy] thành kinh điển nhiều ngàn ấy, khiến cho bọn hậu học chúng ta thông hiểu ý Ngài, thông hiểu ý nghĩa kinh điển. Nếu quý vị chẳng học theo cách của Ngài, sẽ chẳng hiểu ý ấy. Cách của Ngài là gì? Chính là buông xuống, buông xuống hết thấy thân tâm thế giới. Nói theo cách hiện thời, Ngài chẳng bị áp lực (stress) chút nào, bất luận là xét theo phương diện tinh thần hay vật chất, Ngài chẳng có mảy may áp lực gì! Những gì Ngài đã nói và dạy chúng ta, chính Ngài đều làm được, thánh nhân là như vậy đó! Người Ấn Độ gọi là Phật Đà, chúng ta gọi là Thánh Nhân, Phật Đà có nghĩa là Thánh Nhân. Bồ Tát nghĩa là Hiền Nhân, A La Hán nghĩa là Quân Tử. Người Trung Quốc gọi là Thánh, Hiền, Quân Tử, còn Ấn Độ gọi là Phật Đà, Bồ Tát, A La Hán. Các Ngài chẳng phải là thần, mà cũng chẳng phải là tiên. Thần tiên thuộc về thiên đạo hay quỷ đạo; còn Phật, Bồ Tát thuộc về nhân đạo, chẳng khác gì chúng ta. Nói theo cách hiện thời, thì các Ngài đích thực là triết học gia hay khoa học gia vĩ đại nhất trên thế gian.

Vì sao các nhà khoa học thưở trước chẳng phát minh, sáng tạo những thứ khoa học kỹ thuật giống như các nhà khoa học hiện thời cho chúng ta sử dụng? Tại sao vậy? Ở đây, có một đạo lý rất đơn giản: Nếu khoa học kỹ thuật vượt trội luân lý đạo đức sẽ đem đến tai nạn cho nhân loại. Thế giới này có thể bị hủy diệt hay không? Có thể lắm! Khả năng duy nhất là chiến tranh nguyên tử; đối với bom nguyên tử hiện thời, chỉ cần một quả bom đã có thể hủy diệt cả thành phố. Từ mạng Internet, chúng ta thấy có những tin tức cho biết vào năm 2012, người Mỹ chuẩn bị thiết kế hệ thống hỏa tiễn mới, các hỏa tiễn ấy có thể bắn tới bất cứ nơi nào trên thế giới. Trong tương lai, nếu chiến tranh xảy ra, có cần dùng lục quân, hải quân, không quân hay chẳng? Chẳng cần. Ngồi trong nhà bấm nút có thể hủy diệt cả thành phố, cả quốc gia. Đó là tác dụng phụ của khoa học, lúc chẳng có chiến tranh thì đem lại nỗi lo sợ, lúc có chiến tranh bèn đem lại sự hủy diệt. Do đó, Phật, Bồ Tát không làm những chuyện ấy, chẳng phát triển theo phương hướng ấy, thánh hiền Trung Quốc cũng chẳng phát triển theo hướng ấy. Những thứ như kim chỉ nam và thuốc súng đều do người Trung Quốc phát minh đầu tiên, nhưng người Trung Quốc dùng những thứ ấy để tạo niềm vui, chẳng dùng trong chiến tranh. Gia Cát Lượng phát minh bò ngựa gỗ để cơ giới hóa sự vận chuyển. Lúc ông mất bèn hủy diệt những kỹ thuật ấy, không lưu lại cho đời sau, chẳng phải là ích kỷ, mà là từ bi, nhân ái. Đây là sự khác biệt giữa nền giáo dục phương Đông và phương Tây. Người phương Đông chú trọng nhân đạo, người phương Tây chú trọng lợi ích bất kể phương tiện. Từ hai ngàn năm trăm năm trước, Mạnh Tử đã nói đến chuyện chú trọng đạo đức bất kể phương tiện. Lúc Mạnh Tử gặp Lương Huệ Vương, Mạnh Tử sanh nhằm

thời Chiến Quốc cũng là thời đại động loạn nhiều nhưong. Lương Huệ Vương tiếp đón Ngài, câu đầu tiên bèn hỏi: “Ông tới nước ta sẽ đem lại lợi ích gì?” Mạnh Tử đáp: “*Vương hà tất viết lợi, diệc hữu nhân nghĩa nhi dĩ hỹ*” (vua cần gì phải nói tới lợi ích, chỉ có nhân nghĩa là được rồi). Nếu mọi người đều tranh lợi, nước ấy sẽ tan vỡ, “*thượng hạ giao chinh lợi, kỳ quốc nguy hỹ*” (trên dưới đều tranh lợi, nước đó sẽ lâm nguy), chẳng cần người khác đến đánh, chính quý vị sẽ tự diệt vong. Lợi là vật mà người ta cần thiết, chẳng thể thiếu, nhưng vừa phải là được rồi, chớ nên thái quá, chớ nên tranh giành!

Thế giới “đại đồng” chẳng phải là chuyện lý tưởng. Ở Trung Quốc đã từng thực hiện. Quý vị đọc lịch sử Trung Quốc, [sẽ thấy] ba đời Nghiêu, Thuấn, Đại Vũ là cõi đời đại đồng. Sau khi vua Vũ chết đi, truyền ngôi cho con là Vương Khải, đây là nhà Hạ. Kể từ Vương Khải trở đi là Tiểu Khang², thì chẳng thể gọi là Đại Đồng nữa. Trong thời Đại Đồng, những người lãnh đạo quốc gia luôn nghĩ tới dân chúng, chẳng nghĩ cho chính mình. Nơi vua sống giống như nhà của bình dân, nên gọi là “*ty cung thất*” (cung điện thấp hèn); chẳng chú trọng ăn uống ngon lành, nghĩa là sao? Ăn chỉ một món, chẳng bày đầy một bàn! Họ thường nghĩ đời sống như vậy tốt đẹp lắm rồi, còn có nhiều kẻ chẳng có cơm để ăn nữa kia! Có người còn chẳng có gì nữa? Chẳng có quần áo để mặc! Niệm niệm đều nghĩ tới những chuyện ấy. Có đọc cổ thư Trung Quốc, quý vị mới hiểu rõ Trung Quốc, mới nhận biết tổ tiên của dân Trung Hoa là như thế nào. Người ta gọi họ là “*cổ thánh tiên vương*” chẳng phải là nịnh hót, mà là sự thật. “*Thánh*” có nghĩa là giác ngộ, hiểu rõ, chẳng phải là kẻ hồ đồ. Họ có đức hạnh, có học vấn, niệm niệm đều mưu cầu phúc lợi cho dân, đó là thánh nhân, chắc chắn chẳng có mảy may tự tư tự lợi. Tự mình cai trị rất tốt đẹp, hy vọng kẻ nối ngôi càng làm tốt hơn nữa. Họ tuyển chọn kẻ kế vị, phạm nhân chưa chắc nhận biết ai, chỉ có thánh nhân mới nhận biết thánh nhân. Do đó, nhiều đời, nhiều triều đại đều giữ được sự hưng vượng dường ấy, xã hội hòa hài, nhân dân thật sự có hạnh phúc.

Đối với xã hội giống như ngày nay, cổ thánh tiên vương thuở xưa dùng phương pháp gì? Chẳng có gì khác, dùng Giáo Học. Phật pháp thì sao? Phật pháp cũng là Giáo Học. Khi gặp tai nạn, người nhà Phật đều biết, chúng ta tổ chức pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc, làm pháp hội này hòng tiêu tai miễn nạn.

² Tiểu Khang là quan niệm của Nho gia về một thời đại thịnh trị, nhân dân an lạc, giàu có, chánh trị ổn định. Tuy có những biến động hoặc loạn lạc nhỏ, nhưng nhìn chung cuộc sống ổn định, hòa bình, vua biết thương dân, sử dụng vương đạo để cai trị, quan lại đa số thanh liêm, dân chúng phong tục thuần phác, lễ nghĩa, nhường nhịn, tuân thủ pháp luật. Nho gia thường đánh giá các đời vua Thành Thang, Châu Văn Vương, Châu Vũ Vương là Tiểu Khang.

Pháp hội Nhân Vương Hộ Quốc hiện nay đã bị biến chất, [cứ tưởng] kinh nói “tìm một trăm người xuất gia họp lại tụng kinh Nhân Vương” là được rồi. Chẳng có ý nghĩa như vậy. Từ ngữ “một trăm” chẳng phải là con số, mà nhằm tiêu biểu pháp. “Một trăm” là những người xuất gia trên cả nước, tức là [toàn thể] Phật giáo. Thích Ca Mâu Ni Phật kêu gọi hết thảy các đệ tử phải thực hiện giáo dục luân lý, đạo đức, giới luật, nhân quả, giúp đỡ quốc gia giáo hóa chúng sanh, có ý nghĩa như vậy, quý vị chớ nên hiểu sai! Phải giảng chuyện này cho rõ ràng, rành rẽ! Chính mình lại còn phải làm mẫu, nêu gương cho người khác nhìn theo, làm theo cách như vậy thì mới giúp quốc gia giải quyết tai nạn được. Hiện thời đã hoàn toàn sai lầm! Vì lẽ đó, dầu niệm kinh Nhân Vương bao nhiêu lần cũng chẳng giúp được gì. Nếu quý vị chẳng thể buông xuống tham, sân, si, mạn, có ích gì đâu? Khuyên người khác buông xuống thì chính mình phải dẫn đầu. Do vậy, quý vị chẳng thể không nỗ lực học tập kinh điển. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ thì những lời dạy trong kinh điển mới có ý nghĩa, thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề. Từ vấn đề cá nhân của quý vị cho đến vấn đề của quốc gia, cho đến vấn đề thế giới, cho đến vấn đề trong cả vũ trụ, hết thảy đều có thể giải quyết, quý vị nghĩ xem, vui sướng biết bao! Thật đấy, chẳng giả, một hạt bụi, một sợi lông đều trọn đủ viên minh cụ đức.

“*Thị dĩ, thử tứ cú liệt u nguyện đầu*” (Vì vậy, bốn câu này được đặt ở đầu lời nguyện), bốn câu kinh văn này được đặt ở phần đầu [các lời nguyện], “*biểu dĩ hạ nhất nhất các nguyện, mạc bất như thị*” (biểu thị: Không nguyện nào trong các nguyện sẽ được trình bày dưới đây lại chẳng giống như vậy). Điều này vô cùng quan trọng; phần sau là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng có đủ các ý nghĩa trong bốn câu ấy. Bốn câu ấy chính là như kinh văn đã nói: “*Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành Chánh Giác dĩ*” (Nếu tôi chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành Chánh Giác xong), nói rõ Ngài đã làm được, “*sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm*” (ở trong cõi nước đầy đủ vô lượng công đức trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn), tiếp đó là nguyện văn của mỗi lời nguyện. Chúng ta phải dùng cách này để học bốn mươi tám nguyện thì mới thật sự hiểu rõ được các nguyện ấy chẳng thể nghĩ bàn. “*Nhất nhất chi nguyện giai thị vị chúng sanh, nhất nhất chi nguyện giai thị Di Đà bốn diệu minh tâm chi hiển hiện, nhất nhất chi sự tướng giai thị thanh tịnh cú, giai thị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân*” (mỗi nguyện đều vì chúng sanh, mỗi nguyện đều hiển hiện bốn tâm diệu minh của Phật Di Đà, mỗi sự tướng đều là câu thanh tịnh, đều là “chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân”). Nói cách khác, mỗi chữ, mỗi câu đều là ba thứ chân thật, từ ngữ Chân Thật Chi Tế chỉ bản tánh của chúng ta. Trong Tam Tự Kinh có câu: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người ban sơ, tánh vốn lành), tổ tiên Trung Quốc nói “*bản tánh vốn*

thiện”, Phật nói càng hay hơn nữa: “*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*”. Hai câu ấy có ý nghĩa hoàn toàn giống nhau. Nói tới thiện, điều thiện rốt ráo viên mãn chẳng có gì hơn Phật, do đó “*bản tánh vốn thiện*” chính là “*vốn là Phật*”, có cùng một ý nghĩa. Ngày nay chúng ta bất thiện, bất thiện là tập tánh, bản tánh vốn thiện, tập tánh không thiện, tập tánh là tập quán. Người xưa nói “*gần mực thì đen, gần sơn thì đỏ*”, điều này có quan hệ rất lớn với giáo dục. Quý vị theo thánh nhân, quân tử, tự nhiên sẽ biến thành thánh nhân, quân tử. Quý vị theo một nhóm tiểu nhân, cũng sẽ không hay không biết trở thành tiểu nhân. Quý vị bị hoàn cảnh ô nhiễm, là đạo lý như vậy đó! Mục đích của việc đề cao giáo dục là gì? Mục đích nhằm dạy quý vị vĩnh viễn giữ được tánh bản thiện và rời khỏi sự bất thiện, đó là giáo dục. Toàn thể thế giới hiện thời chẳng có giáo dục nữa, giáo dục trên toàn thế giới từ lớp tuổi nhà trẻ cho tới lớp nghiên cứu sinh đều là truyền dạy kỹ thuật, chẳng nói tới đạo làm người, chẳng dạy làm người. Giáo dục thời cổ ở Trung Quốc là dạy luân lý, luân lý là dạy về quan hệ giữa người với người, nghĩa vụ của người với người, nói tới Ngũ Thường, nói tới Tứ Duy, Bát Đức. Đó là nền giáo dục của người Trung Quốc.

Tôi tin giáo dục truyền thống của Trung Quốc chẳng thua người Ấn Độ. Người Ấn Độ nói họ có truyền thống hơn một vạn năm, tôi tin đúng là như vậy. Giáo dục của người Trung Quốc tối thiểu cũng lâu hơn một vạn năm, vì [nếu kể cả khoảng thời gian] văn tự chưa được phát minh, văn tự được phát minh vào đời Hoàng Đế, kể từ lúc có văn tự ghi chép cho đến ngày nay là khoảng bốn ngàn năm trăm năm. Trước đời Hoàng Đế có Thần Nông Thị, tức Viêm Đế. Trước đó là Phục Hy, từ Phục Hy đến Hoàng Đế là một ngàn năm. Trong một ngàn năm ấy, tôi tin tưởng văn hóa cổ Trung Quốc đã được thành lập, nhưng chưa có văn tự để ghi chép, chỉ truyền khẩu. Đến thời Khổng Tử, cổ nhân dùng văn tự ghi chép những lời truyền thuật của cổ nhân và cổ thánh tiên hiền hòng truyền cho đời sau, đó gọi là Tập Đại Thành. Khổng Phu Tử vô cùng thành thật, Ngài nói cả đời Ngài chỉ “*thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (chỉ thuật lại chứ không sáng tác, tin tưởng và ưa thích những thứ cổ nhân để lại). Hai câu này nghĩa là gì? Nói theo cách hiện thời, nghĩa là suốt đời Ngài chẳng sáng tạo, chẳng phát minh, Ngài là người thật thà. “*Tín nhi hiếu cổ*” nghĩa là Ngài tin tưởng những gì cổ thánh tiên hiền truyền lại, Ngài ưa thích, ưa chuộng. Nói cách khác, những gì Khổng Tử đã học, đã tu, đã dạy cả đời toàn là những thứ của cổ thánh tiên hiền, lão nhân gia đã nêu gương tốt cho chúng ta. Trước thời Khổng Tử, tôi tin tưởng không chỉ là hai ngàn năm trăm năm, người Trung Quốc nói “*năm ngàn năm lịch sử*”, Khổng Tử thuộc vào khoảng giữa, tính đến nay là khoảng hai ngàn năm trăm năm. Kể từ đời Khổng Tử trở về trước hai

ngàn năm trăm năm là thời Phục Hy, chắc chắn [văn hóa truyền thống Trung Hoa] không phải chỉ có bao nhiêu đó mà thôi.

Những thứ cổ thánh tiên hiền truyền lại nhất định là rất đơn giản, dễ ghi nhớ, nên chẳng bị lưu truyền sai lạc. Thí dụ như Ngũ Luân, Ngũ Luân chỉ có hai mươi chữ, tôi tin tưởng đầu truyền mười vạn năm cũng chẳng bị truyền sai. Tôi truyền cho quý vị, quý vị truyền cho người khác, chỉ truyền năm câu sau đây: “*Phụ tử hữu thân, quân thần hữu nghĩa, phu phụ hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (Cha con có tình thân, vua tôi có nghĩa, vợ chồng có khác biệt, lớn nhỏ có thứ tự, bạn bè có chữ tín). Quý vị nghĩ xem: Truyền mười vạn năm có thể truyền sai hay không? Chẳng thể nào! Người ta nhớ được! Phần sau càng đơn giản hơn nữa, Ngũ Thường chỉ có năm chữ “*Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín*”, đây là tiêu chuẩn làm người. “*Thường*” có nghĩa là vĩnh hằng chẳng biến đổi, là tiêu chuẩn của con người. Nếu con người chẳng có Ngũ Thường, sẽ chẳng khác gì súc sanh. “*Nhân giả ái nhân*” (người có lòng nhân yêu thương con người) là điều thứ nhất, trong Phật pháp nói là “*không sát sanh*”. Thứ hai là Nghĩa, “*Nghĩa giả tuần lý*” (Nghĩa là noi theo lý), nghĩa là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác phải hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đó là Nghĩa. “*Lễ*” có nghĩa là lễ tiết, vô cùng quan trọng. Chẳng thể nói mỗi ngày đều gặp nhau bèn có thể buông tuồng đôi chút. Hễ buông tuồng, sẽ xảy ra vấn đề. Nhất định là phải cẩn thận, lễ tiết nhỏ nhoi cũng phải ghi nhớ, phải làm được, giống như sách Đệ Tử Quy đã dạy, phải thực hiện những lời dạy ấy trong đời sống. Lễ tiết, “*Lễ*” có nghĩa là có chừng mực, không quá đáng, mà cũng chẳng thể thiếu sót. Lễ nghĩa quá đáng thì có vẻ giống như nịnh hót. Lễ nghĩa không đủ thì có vẻ ngạo mạn, nhất định là phải giữ lễ đủ mức. Vì thế, nói là “*dụng Trung*”, Trung tức là Lễ. Nói “*giữ Lễ đúng mực*” chính là “*dụng Trung*”. Quý vị thấy điện Tứ Thiên Vương trong nhà Phật, vị thứ nhất trong bốn vị Thiên Vương là Trì Quốc Thiên Vương tiêu biểu ý nghĩa Dụng Trung. Trì Quốc Thiên Vương tay cầm đàn tỳ bà. Tỳ bà là đàn dây, có ý nghĩa gì? Dây đàn chùng quá sẽ không kêu, căng quá dễ đứt, nhất định phải lên dây vừa mức. Vừa mức là tốt, sẽ phát ra âm thanh rất hay. Vừa mức nghĩa là Lễ, do vậy, Lễ rất quan trọng. Nếu chẳng có Lễ, Nho Giáo sẽ không còn nữa. Chẳng có Giới, Phật giáo không còn nữa. Nếu người khác chẳng có [Lễ], chúng ta tự làm đúng Lễ là được rồi, đừng quan tâm người khác [có giữ Lễ hay không]. Hết thầy đều yêu cầu chính mình, đừng đòi hỏi kẻ khác! Chúng ta tự mình nỗ lực học tập là được rồi, sẽ có thọ dụng. [Điều thứ tư là] Trí, Trí là lý trí, chớ nên sử dụng cảm tình. Điều cuối cùng là Tín, con người phải có tín nhiệm. Quý vị thấy đó, tôi tin là tôi thiếu cũng phải hơn một vạn năm về trước, tổ tiên đã truyền lại năm chữ “*Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín*” dạy về đạo làm người, chẳng thể lìa khỏi [năm chữ ấy], đó

là đạo. “*Đạo dã giả, bất khả tu du ly dã*” (Đạo là những gì chẳng thể lìa khỏi dù trong chốc lát), một phút, một giây cũng chẳng thể lìa khỏi, phải giữ chặt mấy chữ ấy. Trong Phật pháp, những điều đó chính là Ngũ Giới, trong truyền thống Trung Quốc bèn là Ngũ Thường. Tứ Duy là bốn chữ “*Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ*”. Bát Đức là “*Hiếu, Đễ, Trung, Tín, Nhân, Ái, Hòa, Bình*”. Đó là những thứ thuộc về truyền thống Trung Quốc, quý vị phải dạy những thứ này cho kẻ khác hòng đời đời truyền thừa. Tôi tin tưởng dầu truyền mười vạn năm cũng chẳng truyền sai, những thứ ấy rất đơn giản, dễ dàng. Nếu tôi hoàn toàn làm trọn hết, tôi sẽ là thánh hiền, quân tử. Làm trọn hết, chẳng vi phạm điều nào, bèn là thánh nhân. Nếu còn có chút lỗi lầm, “*quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (nếu sai mà có thể sửa, chẳng gì tốt lành to tát hơn), đó là hiền nhân. Kém hơn nữa là quân tử. Đó là tiêu chuẩn [trong đạo làm người] của người Trung Quốc. Tiêu chuẩn của Phật pháp là gì? Vì Phật pháp là triết học cao cấp, khoa học cao cấp, vượt trời lục đạo, vượt trời mười pháp giới, thậm chí vượt khỏi cả vũ trụ, là một môn học vắn to lớn, phi thường. Nếu quý vị thật sự phát hiện, sẽ vui thích chẳng chán. Do vậy, nhà Phật nói đến Bảo thì kinh điển được gọi là Pháp Bảo, kinh điển là món quý báu thật sự, chẳng có gì trong thế gian có thể sánh bằng! Đúng là của báu. Do đó, ở đây nói rất rõ ràng: Mỗi một nguyện đều vì chúng sanh, chẳng có nguyện nào vì chính mình, tại sao vậy? Chính mình và chúng sanh đều có cùng một Thể, đó chính là luân lý được nói trong Phật giáo. Luân lý là nói về quan hệ, Nho gia chẳng giảng cao như vậy, chỉ có Phật pháp nói toàn thể vũ trụ và chính mình là một Thể. Lão Tử cũng có nói, nhưng chẳng nói kỹ. Lão Tử chỉ nói: “*Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể*” (trời đất và ta có cùng một cội rễ, vạn vật và ta cùng một Thể), chẳng nói cặn kẽ hơn. Đức Phật nói tỉ mỉ hơn, thấu triệt hơn, tại sao lại là một Thể, tại sao có cùng một cội rễ, tất cả đều nói cho quý vị biết.

Câu kế tiếp [cho biết] mỗi một nguyện, nói thật ra, mỗi một nguyện, mỗi một hạnh, mỗi một sự, mỗi một quả báo “*giai thị A Di Đà Phật bốn diệu minh tâm chi hiển hiện*” (đều do bốn diệu minh tâm của A Di Đà Phật hiển hiện), do tâm của A Di Đà Phật hiện, mà cũng do tâm của chính chúng ta hiện. Nếu tâm chúng ta không hiện, tâm A Di Đà Phật cũng chẳng hiện, cùng một đạo lý! “*Nhất nhất sự tương, giai thị thanh tịnh cú*” (mỗi một sự tương đều là câu thanh tịnh), câu thanh tịnh là “*giai thị chân thật trí huệ vô vi Pháp Thân*” (đều là Pháp Thân chân thật trí huệ vô vi). “*Chân thật trí huệ*” là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, giống như Huệ Năng đại sư lúc minh tâm kiến tánh đã nói ra cảnh giới của Ngài, chỉ dùng hai mươi chữ: “*Hà kỳ tự tánh bốn tự thanh tịnh, bốn bất sanh diệt*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt), chẳng có sanh diệt, “*bốn tự cụ túc*” (vốn tự đầy đủ), trong đó có câu này, đây

đủ gì? Đầy đủ trí huệ, đầy đủ đức năng, đầy đủ tướng hảo, vốn sẵn đầy đủ. Câu thứ tư là “*bốn vô động dao*” (vốn chẳng dao động), đó là tự tánh vốn định. Câu cuối cùng là “*năng sanh vạn pháp*” (có thể sanh vạn pháp). Do đó, hết thấy vạn pháp được sanh bởi tự tánh, đều do tự tánh hiện ra. Tự tánh là bản thể của hết thấy vạn pháp, hết thấy đều sanh ra từ đó. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã dùng biển cả làm tỷ dụ. Biển cả ví như tự tánh, bọt nước trong biển cả ví như chúng sanh. Từng bọt nước trôi trên mặt biển ngỡ mình là độc lập, chẳng biết [đến biển cả]. Lúc bọt nước vỡ tan, mới biết [chính mình và] biển cả vốn là một. Đức Phật dùng tỷ dụ này nhằm bảo chúng ta: Tất cả hết thấy chúng sanh và chính mình có cùng một Thể. Do vậy, thương chúng sanh chính là thương mình, quan tâm chúng sanh chính là quan tâm chính mình, giúp đỡ chúng sanh chính là giúp đỡ chính mình, tự và tha chẳng hai. Quý vị phải làm như vậy thì mới minh tâm kiến tánh, mới có thể hiểu chân tướng sự thật. Chúng tôi chỉ nói ý nghĩa tổng quát của bốn câu này tới đây thôi. Tiếp theo đây sẽ nói về bốn mươi tám nguyện. [Theo cách Khoa Phán, bốn mươi tám nguyện] được gọi Biệt Đề, còn gọi là “*tế mục*” (các đề mục vi tế). Trong phần này có bốn mươi tám điều. Nguyện thứ nhất là:

(Kinh) Vô hữu địa ngục, nga quỷ, cầm thú, quyền phi nhuyển động chi loại.

(經) 無有地獄、餓鬼、禽獸、蜎飛蠕動之類。

(Chánh kinh: Chẳng có địa ngục, nga quỷ, cầm thú, các loài ngo nguậy, bay lượn, bò trườn).

Đây là nguyện “*cõi nước không có ác đạo*”. Chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm có hai phẩm, một phẩm là Hoa Tạng Thế Giới Phẩm giảng về vũ trụ, nói rõ [đặc điểm của] thế giới này trong vũ trụ, nay chúng ta gọi [thế giới] là tinh cầu, [trong không gian có] vô lượng vô biên hệ tinh cầu. Phẩm thứ nhì là Thế Giới Thành Tựu Phẩm, cho biết những thế giới ấy từ đâu mà có. Trước hết, bảo quý vị hãy nhìn, sau đó giảng giải cho quý vị biết vũ trụ do đâu mà có. Từ vũ trụ, quý vị phát hiện: Trong phân lớn các thế giới đều có lục đạo luân hồi. Có thế giới nào chẳng có lục đạo hay không? Có chứ! Số lượng cũng khá nhiều, các thế giới chẳng có lục đạo đều là thế giới thanh tịnh, trong các thế giới đó, chẳng có kẻ tạo ác. Có một số thế giới giống hết thế giới Cực Lạc, chỉ có cõi Thật Báo, chẳng có mười pháp giới, chúng ta có thể gọi chúng là thuần tịnh độ. Thế giới Cực Lạc rất kỳ lạ, rất đặc biệt, là thuần tịnh độ, nhưng trong đó có người và trời; trong mười pháp giới, chẳng có ba ác đạo. Nói cách khác, trong

mười pháp giới, thế giới Cực Lạc chẳng có ba cõi ác, bảy cõi còn lại đều có. Tuy có bảy pháp giới, nhưng thế giới Cực Lạc là cõi thuần tịnh, rất chẳng thể nghĩ bàn. Đây là điểm đặc biệt của thế giới Cực Lạc, khác hẳn những cõi Phật khác, đó cũng là nguyên nhân khiến cho hết thầy chư Phật đều tán thán. Chúng ta biết ba đường ác do đâu mà có, chúng ta phải hiểu việc này, chẳng có nhân thì sẽ chẳng có quả, chúng ta phải hiểu như thế.

Chúng ta coi đoạn kế tiếp [trong lời Chú Giải], “*hạ minh, ngã thử Phật sát trung, vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*” (Đoạn kế tiếp nói rõ: Trong nước của tôi chẳng có ba ác đạo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Tiếp đó là một đoạn ghi chú về súc sanh, “*kinh trung thường dĩ cầm thú quyên phi nhuyển động chi loại biểu súc sanh đạo*” (trong kinh thường dùng “cầm thú, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn” để biểu thị súc sanh). Hôm nay, ở đây, chúng tôi nói rõ hơn, ba ác đạo ấy do đâu mà có. Hãy nhớ trong kinh đã có một câu giảng rõ cương lĩnh và nguyên tắc chung, tuyệt đối đừng quên câu ấy: “*Hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Hiện nay, các nhà khoa học đã thừa nhận hết thầy các pháp sanh từ tâm tưởng. Nói cách khác, tam ác đạo do chính chúng ta suy tưởng ra. Quý vị “tưởng” thì nó sẽ biến đổi, cảnh giới bèn thay đổi. Địa ngục do đâu mà có? Địa ngục sanh từ tâm sân khuê, đố kỵ. Đương nhiên có rất nhiều nguyên nhân, nhưng trong vô lượng nhân duyên, chắc chắn phải có một nhân duyên chánh yếu, đức Phật đã chỉ ra nhân duyên chánh yếu ấy, đó là sân khuê, đố kỵ. Từ tâm sân khuê, đố kỵ, sẽ dẫn tới rất nhiều hành vi, hành động bất thiện, thậm chí dẫn tới chiến tranh, độc hại, tội nghiệp rất nặng!

Trong Phật pháp, kinh điển thường nói nghiệp nhân của địa ngục là Ngũ Nghịch, Thập Ác. Trong tội Ngũ Nghịch, thứ nhất là “*giết cha*”, thứ nhì là “*giết mẹ*”. Ân đức của cha mẹ quá lớn, cha mẹ sanh ra quý vị, nuôi dưỡng quý vị, mà quý vị không biết hiếu thuận, chẳng biết báo ân! Nếu quý vị giết hại cha mẹ, chắc chắn sẽ đọa địa ngục. Thứ ba là “*giết A La Hán*”. Nói thật ra, A La Hán ở đâu quý vị chẳng tìm thấy. A La Hán tiêu biểu gì? Tiêu biểu thầy. Vì nói thật ra, A La Hán, Bồ Tát, Phật đều là thầy, các Ngài đến thế gian này để giáo hóa chúng sanh, làm công việc giáo học. Nếu quý vị giết một vị thầy tốt thì cũng như quý vị giết A La Hán, tội ấy sẽ đọa địa ngục. Thứ tư là “*làm cho thân Phật chảy máu*”. Trí huệ và phước báo của Phật đều viên mãn, nên có kẻ nào muốn giết Phật cũng chẳng thể giết được, đức Phật có thân hộ pháp theo hộ trì. Đây là nói đến chuyện Đè Bà Đạt Đa muốn giết hại Thích Ca Mâu Ni Phật. Ông ta biết đức Phật mỗi ngày đi khát thực thường đi ngang một sườn núi, phải đi dưới sườn núi, nên núp trên núi và đặt sẵn một tảng đá lớn, toan tính lúc đức Phật đi ngang, sẽ đẩy tảng đá xuống đè chết đức Phật, có câu chuyện như vậy. Nhưng lúc ông ta đẩy đá xuống, thân hộ pháp là Vi Đà Bồ Tát dùng chày Kim

Cang đỡ tảng đá ấy, đánh tan nó, một mảnh vụn rơi trúng chân đức Phật khiến cho chân Ngài chảy máu. Có chuyện như vậy, nên gọi là “*làm cho thân Phật chảy máu*”, tức là làm cho Ngài bị thương. Đối với tội này, đức Phật là đại thánh nhân, Ngài đến thế gian hòng cứu vớt hết thảy chúng sanh, cho nên kết tội (luận tội) này chẳng phải là đức Phật luận tội. Đức Phật đại từ đại bi, dẫu quý vị thật sự có thể giết Ngài, đức Phật cũng chẳng trách quý vị. Tội này tính từ chỗ nào? Tính từ chỗ chúng sanh. Vì quý vị tạo tội ấy mà chúng sanh chẳng thể nghe Phật pháp. Tội lỗi ấy nặng lắm! Quý vị đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh [nên mắc đại tội], chứ quý vị chẳng tạo tội với Phật. Vì thế, nói thật ra, Phật, Bồ Tát, A La Hán đều đại từ đại bi, dù quý vị có giết hại các Ngài, các Ngài vẫn chẳng trách quý vị, chẳng oán hận mảy may, thật đấy! Vậy thì tại sao [kết tội nặng như vậy]? Luận tội là luận theo phía chúng sanh, quý vị khiến cho chúng sanh bị mất một vị thầy giỏi, chẳng thể nghe Phật pháp, luận tội từ chỗ này. Do đó, tội này nặng lắm. Quý vị cũng chẳng thể thay thế Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, [nên đã] đoạn dứt Pháp Thân huệ mạng của chúng sanh. Vì thế, chúng ta phải hiểu nguyên nhân của tội này, đó là tội đọa địa ngục.

Tội thứ năm là “*phá hòa hợp Tăng*”, tức là phá hoại Tăng đoàn. Tăng đoàn ở đây phải là Tăng đoàn hòa hợp. Tăng đoàn hòa hợp là Tăng đoàn thật sự trì giới, y giáo tu hành, chẳng phải là những đạo tràng thông thường. Trong tội này còn bao gồm điều gì? Pháp sư giảng kinh, pháp sư dạy học, giảng kinh, trong Tăng đoàn hòa hợp nhất định là có pháp sư giảng kinh. Nếu không, chẳng thể nào có Tăng đoàn hòa hợp được! Hòa hợp phải nhờ giáo dục, chắc chắn là Tăng đoàn ấy phải có giáo học. Vì vậy, chúng ta phải biết Phật pháp kể từ lúc đức Phật Thích Ca khởi đầu luôn luôn là giáo dục. Thuở đức Phật tại thế, đức Phật dạy học mỗi ngày. Lúc đó, hết thảy các nghi thức tôn giáo như hiện thời đều chẳng có, ngay cả công khóa sáng tối cũng chẳng có. Do vậy, người xưa có câu “*sư phụ dẫn vào cửa, tu hành do cá nhân*”. Quý vị nghe giảng, nghe giảng xong đã hiểu rõ, bèn áp dụng những đạo lý và phương pháp ấy vào đời sống hằng ngày, thực hiện trong đời sống, trong việc làm, trong sự đãi người, tiếp vật; đó là Phật pháp, chúng ta chớ nên không biết việc này. Hơn nữa, suốt một đời, đức Phật chẳng dựng đạo tràng, Ngài chẳng có chùa miếu, sống cuộc đời du mục, đêm nghỉ ngơi nơi đâu? Ngài nghỉ dưới gốc cây, mỗi ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới gốc cây. Đức Phật quy định, mỗi gốc cây chỉ có thể trú một đêm, hôm sau phải đến cội cây khác. Tại sao? Sợ quý vị khởi tâm tham: Cội cây này tốt lắm, rất lớn, tàng cây che rộng, tốt lắm! Mỗi đêm tôi đều ở dưới gốc cây này, khởi tâm tham! Do vậy, quy định chỉ ở tạm nơi đó một đêm, hôm sau phải dời sang cội cây khác. Cả đời Ngài sống như người du mục, chẳng để cho quý vị khởi lên một mảy tâm tham, xả hết sạch, tài sản cả đời chỉ là ba y, một

bát, nêu gương cho chúng ta thấy. Từ lúc mười chín tuổi bèn sống cuộc đời như vậy, đến bảy mươi chín tuổi viên tịch, Ngài cũng viên tịch trong rừng cây, chẳng phải ở trong nhà, buông xuống triệt để, làm gương cho hàng hậu học. Tóm lại, tội Ngũ Nghịch là tội rất nặng, phải đọa địa ngục A Tỳ.

Tội Thập Ác gồm sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thù dật, nói lời thô lỗ, cộng thêm tham, sân, si, đó là Thập Ác. Ngũ Nghịch, Thập Ác là tội đọa địa ngục. Do vậy, có thể biết Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có những kẻ đó, nên cõi ấy chẳng có địa ngục. Nói cách khác, quý vị tu hành trong hoàn cảnh đó, thấy toàn là Bồ Tát, chư Phật Như Lai. Quý vị chẳng tìm thấy một kẻ ác nào trong thế giới đó. Vì chẳng có duyên, tuy gốc rễ tham, sân, si còn chưa dứt, mang theo nghiệp, [tức là] đời nghiệp vãng sanh, nhưng trong thế giới Cực Lạc chẳng có duyên ấy. Những gì quý vị thấy đều là vừa lòng thỏa ý, chẳng có gì chọc quý vị nổi giận. Ở đó, đúng là “ai cũng là người tốt, chuyện gì cũng là chuyện tốt”, làm sao quý vị nổi giận cho được? Vì vậy, [Cực Lạc] chẳng có duyên địa ngục, mà cũng chẳng có nhân địa ngục. Quý vị sống nơi đó lâu ngày, dần dần tham, sân, si đều đoạn dứt. Đây là nói về địa ngục, địa ngục khổ lắm, trong phần sau sẽ nói kỹ hơn.

Thứ nhì là nga quý, nga quý cũng rất khổ, nhân của nga quý là gì? Là tham lam. Do vậy, tâm tham là nga quý đạo. Tham ngũ dục, lục trần, tham tài, tham danh, tham sắc. Nói thật ra, người học Phật hiện thời dẫu học Phật vẫn có thể đọa làm nga quý, có thể đọa địa ngục, tại sao vậy? Sức tham, sân, si quá mạnh, tập khí phiền não quá nặng. Học Phật rồi mà vẫn không chịu nhường nhịn kẻ khác, chẳng thể nhường nhịn! Thắp hương phải thắp cây hương đầu tiên, nếu thắp cây thứ nhì, họ sẽ nổi giận, sẽ chửi rủa kẻ khác. Đó là nguyên nhân khiến cho người học Phật cũng đọa địa ngục, vì có đồ kỵ chướng ngại, chúng ta thấy những điều này [được chép] trong kinh điển. Kinh Di Lặc Sở Vấn vừa mở đầu liền kể chuyện hai vị tỳ-kheo, xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, pháp duyên rất thịnh, thính chúng rất hoan hỷ. Hai vị tỳ-kheo khác thấy hai vị ấy pháp duyên quá tốt đẹp bèn khởi tâm đố kỵ, tìm mọi cách để phá hoại, loan tin đồn, bịa chuyện trong thính chúng. Họ nói hai vị pháp sư ấy giảng kinh rất hay, có khẩu tài, nhưng hành vi chẳng tốt, phá giới, tạo tội nghiệp. Sau khi thính chúng nghe tin đồn này bèn mất lòng tin đối với hai vị pháp sư giảng kinh. Vì lẽ đó, hội giảng kinh phải giải tán. Hai vị tỳ-kheo phá hoại đạo tràng, phá hoại sự giảng kinh của người khác chết đi, đọa địa ngục A Tỳ. Sau một thời gian rất dài chịu tội trong địa ngục, thọ hết tội ở địa ngục xong, thoát ra, hình như là năm người đó sanh trong nhân gian. Kinh gọi họ là Ngũ Phiến Đề La, tức là năm gã cu-li, năm người làm nghề khiêng kiệu, khiêng kiệu cho một phụ nữ giàu có. Nguyên nhân là gì? Do lúc trước có một vị cư sĩ hộ trì đạo tràng, vì năm người ấy phá

hoại đạo tràng, nên [sau khi thọ tội xong], đời này sanh làm người, phải làm kẻ khiêng kiệu để hầu hạ người [hộ trì đạo tràng] ấy. Nghiệp nhân quả báo tơ hào chẳng sai. Vì lẽ đó, thiện nhân tạo thiện quả, ác nhân tạo ác báo, chẳng phải là không báo, mà là chưa đến lúc. Hễ đã tới lúc, hết thấy đều phải chịu báo! Trong phần sau, [sách Chú Giải] còn có một đoạn văn dài giảng kỹ hơn về nạ quỷ đạo. Đây là chuyện rất phiền phức.

“*Súc sanh đạo*” là ngu si; ngu si là chẳng thể phân biệt giả, thật, tà, chánh, đúng, sai, thiện, ác, nay chúng ta nói là “quan niệm về giá trị sai lầm”, tạo thành sự đọa lạc. Chúng ta đọc sách Mạnh Tử, [sẽ thấy] quan niệm về giá trị của Mạnh Tử là nhân nghĩa, quan niệm về giá trị của Lương Huệ Vương là danh lợi. Nhưng Lương Huệ Vương cũng rất thông minh, tiếp nhận sự dạy bảo của Mạnh Tử, thâm liễm trở lại, rất đáng quý! Con người rốt cuộc còn có thiện căn, chỉ cần có người hiểu rõ sự việc chỉ điểm cho họ, họ có thể quay lại, trở thành một người tốt, chớ nên không biết điều này. Người xưa nói rất hay, Phật pháp cũng nói giống như vậy, “*thân người khó có, Phật pháp khó được nghe*”. Trong lục đạo, nói thật ra, con người tuy không cao quý, nhưng dễ giác ngộ, đáng quý ở chỗ này! Cõi trời tốt hơn cõi người, do phước báo lớn nên [họ chỉ biết] hưởng phước, chẳng biết tu hành. Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát hoàng pháp trên cõi trời chẳng có hiệu quả lớn cho mấy, chỉ gieo một chút thiện căn cho họ mà thôi. Tại sao vậy? Cõi trời chẳng khổ, chỉ có sung sướng, [vậy thì] tôi học Phật để làm gì? Do đó, Phật pháp có nói “*giàu sang khó học đạo*”, họ chẳng dễ tiếp nhận. Tam ác đạo ví như kẻ bần cùng, ba bữa ăn còn chưa no, lấy đâu ra thời gian theo quý vị học đạo? Do vậy, nghèo hèn học đạo cũng khó. Cõi người ở chính giữa, được coi là “*tiểu khang*”, chẳng giàu mà cũng chẳng nghèo, cuộc sống cũng tạm tạm, người như vậy rất dễ tiếp xúc [Phật pháp]. Vì lẽ đó, Phật, Bồ Tát tu hành chứng quả đều ở trong cõi người. Chúng ta cũng biết Phật, Bồ Tát giảng kinh, dạy học, chẳng bao giờ thị hiện tu hành chứng quả trên cõi trời, chẳng có, mà cũng chẳng thị hiện trong ba cõi ác. Do vậy, có thể biết thân người đáng quý, thân người khó được, điều đáng quý là con người dễ giác ngộ, xác thực là con người có thể dạy bảo, chỉ cần có hoàn cảnh thuận lợi. Chúng tôi cảm thấy toàn thể thế giới ngày nay tuy là xã hội động loạn, nhưng chẳng phải là không cứu được. Nếu là trong quá khứ, [trông thấy] cả thế giới động loạn như hiện tại, chúng tôi cảm thấy rất bi thương, tại sao? [Vì lúc ấy, chúng tôi nghĩ] đúng là ngày tàn của thế giới, ai có thể cứu vớt thế giới này?

Tại sao hiện thời chúng tôi có cách nhìn khác với lúc trước? Ngày nay, khoa học kỹ thuật phát triển, công cụ tốt nhất là truyền hình, truyền thông đại chúng. Nếu trong hệ thống truyền thông, thật sự có những vị chánh nhân quân tử, giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả, giảng những giáo huấn của cổ

thánh tiên hiền, ngày nào cũng giảng, vừa mở truyền hình là quý vị có thể nghe được, có thể tiếp nhận, tôi tin là khoảng một năm, trật tự trong toàn thể thế giới sẽ được khôi phục, trở thành bình thường. Chẳng thể không dạy học! Công cụ dạy học hiện thời quá tốt, có thể đem sự giáo học đến tận nhà quý vị, chẳng cần ra khỏi cửa, quý vị ở nhà cũng học được. Thế nhưng, công cụ tốt như vậy phải có người biết dùng. Nếu chẳng biết dùng, các công cụ ấy sẽ giống như nước, có thể nâng thuyền, mà cũng có thể lật thuyền. Nó có thể cứu quý vị, mà cũng có thể hủy diệt quý vị. Tôi nhớ có lần tôi ở nhà giáo sư Phương Đông Mỹ, nhằm đúng hôm đó có ba vị quan chức của bộ Giáo Dục Đài Loan đến nhà thầy Phương thỉnh giáo: “Làm thế nào để có thể phục hưng văn hóa truyền thống Trung Quốc?” Họ đặt ra câu hỏi ấy, lúc đó, tôi cũng có mặt. Sau khi họ nêu câu hỏi, thầy Phương hết sức nghiêm túc, lặng thinh suốt năm, sáu phút, trầm mặc hết năm, sáu phút rồi thầy mới trả lời: “Có”. Họ hỏi: “Phương pháp gì?” Thầy trả lời, điều thứ nhất là lúc bảy giờ Đài Loan có ba đài truyền hình, thầy nói phải đóng cửa ba đài truyền hình ấy. Còn khoảng hai, ba chục đài truyền thanh, đài vô tuyến truyền thanh chẳng có hình ảnh, cũng phải đóng cửa. Cuối cùng là phải đóng cửa tất cả những báo chí, tạp chí hiện đang lưu hành lúc đó. Họ nghe xong bèn đáp: “Thưa thầy, những biện pháp ấy chẳng thể nào thực hiện được!” Thầy nói: “Những thứ này hằng ngày đều đang phá hoại văn hóa truyền thống Trung Quốc. Chỉ cần chúng tồn tại, quý vị làm sao có thể nói đến chuyện phục hưng cho được?” Lời ấy đúng quá, chẳng sai! Quý vị thấy truyền hình, thuở ấy còn chưa có mạng Internet, mạng Internet hiện thời còn lợi hại hơn truyền hình. Hết thầy truyền thanh, điện ảnh, tạp chí, báo chí đều dạy con người những gì? Đều dạy quý vị giết, trộm, dâm, dối. Đó chính là diêm báo ngày tàn của thế giới, ở ngay trước mắt, quý vị há có nên chẳng biết hay sao?

Do vậy, thầy nói: “Truyền hình là một công cụ rất tốt. Nếu có thể dùng nó trong giáo dục, khôi phục truyền thống luân lý đạo đức cổ truyền, quốc gia sẽ được cứu vãn, thế giới sẽ được cứu vãn”. Tôi tin họ cũng chẳng dám đăng báo lời thầy đã nói hôm đó, chỉ nghe qua rồi thôi, đúng là như vậy. Thời gian tôi theo thầy học rất dài. Đối với truyền hình, thầy nhắc nhở nhiều lần: “Truyền hình là công cụ rất tốt, phải ghi nhớ. Nếu có duyên thì phải lợi dụng nó”. Lúc đó, tôi nghe vậy, chẳng dám tưởng tượng. Chuyện này đòi hỏi tiền vốn quá cao, chi phí [phát hình] tính theo từng giây, làm sao chúng tôi chịu được? Do vậy, đòi này toàn do Phật, Bồ Tát gia trì, chúng tôi có năm mơ cũng không tưởng được, chẳng dám nghĩ tới. Chúng tôi dạy học cả đời, dạy hằng ngày chẳng gián đoạn suốt năm mươi hai năm. Chúng tôi đã dùng mạng Internet khoảng mười mấy năm, đại khái khoảng mười lăm năm. Đã dùng [truyền hình] vệ tinh tám năm rồi, bắt đầu dùng vệ tinh từ Tết Nguyên Đán năm 2003, quả thật có ảnh

hưởng rất lớn, toàn thế giới đều có thể thâm hình. Do đó, đối với chuyện này, tôi có khái niệm rất sâu: Nếu quốc gia biết vận dụng luân lý, đạo đức, vận dụng giáo huấn của cổ thánh tiên hiền khiến cho lòng người đôn chánh, chỉ cần mời năm mươi giáo sư là đủ rồi. Mỗi ngày giảng giải giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Năm mươi vị giáo sư dùng chương trình dạy học từ xa (telecourses), dùng phương pháp ấy. Phát hình mỗi ngày hai mươi bốn giờ chẳng gián đoạn. Quý vị có một đài truyền hình là đài giáo dục xã hội, dùng đài truyền hình phát hình hai mươi bốn giờ không gián đoạn, chẳng nhận học phí, quốc gia có thể thực hiện. Sau khi đài này xuất hiện, tôi tin là những đài truyền hình khác sẽ chẳng có ai coi nữa. Vì sao hiện thời có người coi? Vì họ chẳng có những tiết mục nào khác để coi. Nếu có một đài truyền hình có nội dung tốt đẹp như vậy, họ sẽ không coi đài khác. Chính chúng tôi cũng biết, tôi giảng kinh dùng truyền hình vệ tinh, trong vòng tám năm nay, có rất nhiều đồng tu nói với tôi, họ chỉ coi đài giảng kinh này, không coi những chương trình truyền hình khác nữa. Thậm chí có một nhà từ già tới trẻ đều coi chương trình này, đều thích coi đài này. Do đó, có thể thấy bản tánh của con người là hiếu thiện (ham chuộng điều lành), người hiếu thiện cũng còn rất nhiều. Tại sao không làm như vậy? Chúng ta có thể quay trở lại, cả nhà đích thực có hạnh phúc mỹ mãn, xã hội an định hài hòa, rất nhiều xung đột trên thế giới đều có thể hóa giải, trên địa cầu cũng sẽ chẳng có nhiều tai nạn như hiện tại. Đây là điều mọi người đều mong mỏi, đã có phương pháp để có thể đạt được, có sao không làm? Do chúng ta đã biết nghiệp nhân của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nếu chúng ta có thể tiêu trừ những nghiệp nhân ấy thì trong thế gian này sẽ không còn ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba đường ác là do tâm hạnh bất thiện của chúng ta biến hiện, duy thức sở biến. Đức Phật nói rất đơn giản, do tham, sân, si biến ra, tâm tham biến ra ngạ quỷ, tâm sân hận biến ra địa ngục, ngu si biến ra súc sanh.

Giáo học là một việc rất vui sướng. Nếu chẳng thật sự vui sướng, há Thích Ca Mâu Ni Phật còn làm việc ngớ ngẩn này ư? Ngài thông minh như vậy, [không lẽ lại làm việc ngớ ngẩn sao]. Nói thật ra, Không lão phu tử hơi khác đức Phật Thích Ca. Không Tử còn muốn tìm một, hai chức quan để phô trương tài năng, nhưng Ngài đúng là một người có đạo đức, tuyệt đối chẳng dùng thủ đoạn phi pháp, chu du các nước suốt mười mấy năm chẳng ai dám dùng Ngài, thời đó là thời loạn mà! Đến lúc sáu mươi tám tuổi, đã già rồi, thôi đi, Ngài mới buông bỏ ý niệm ấy, trở về quê dạy học. Lão nhân gia mất lúc bảy mươi ba tuổi, trên thực tế, chỉ dạy học năm năm, từ sáu mươi tám tuổi dạy tới lúc bảy mươi ba tuổi. Năm năm dạy học có ảnh hưởng đối với Trung Quốc, đối với toàn thế giới to lớn ngàn ấy, quý vị thấy sự nghiệp ấy có ý nghĩa như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật biết [lợi ích của sự giáo dục], nên sau khi giác ngộ, Ngài

không làm gì khác, chuyên tâm dạy học, dạy suốt bốn mươi chín năm, vui sướng ấy vô cùng. Đức Phật Thích Ca có địa vị, ngôi vua đang đợi Ngài, nhưng Ngài từ bỏ, chẳng làm! Làm vua, dầu cai trị tốt đẹp cách mấy đi nữa, cũng chỉ giới hạn trong một nước nhỏ bé. Quý vị đi dạy học, có bao nhiêu người được lợi ích! Sự giáo học của Ngài chẳng phân chia quốc tịch, chẳng phân chia chủng tộc, cũng chẳng phân chia tôn giáo, tín ngưỡng. Chỉ cần quý vị chịu đến học, Ngài liền dạy, đúng là “*người đến không từ chối, người đi không lưu giữ*”, dạy suốt cả đời, ảnh hưởng toàn thế giới. Hiện nay, trên thế giới thông thường là nói tới tôn giáo, mọi người bèn nói tới Phật giáo. Tôi nghe nói trên toàn thế giới, người tin theo Phật giáo ước chừng sáu, bảy trăm triệu người, có ảnh hưởng lớn như vậy. Tôi cũng đi theo con đường này, do thầy tôi khuyên. Năm xưa, lúc tôi mới bắt đầu học Phật, do thầy Phương Đông Mỹ giới thiệu, tôi bước vào ngưỡng cửa Phật giáo, nhận thức Phật giáo. Chương Gia đại sư đã giúp tôi đặt vững cơ sở học Phật. Tôi học theo Ngài ba năm, Ngài mất lúc sáu mươi tám tuổi. Khi tôi bắt đầu theo học, Ngài đã sáu mươi lăm tuổi. Ngài khuyên tôi xuất gia, dạy tôi học theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Đời này tôi chẳng cô phụ Ngài, làm một người học trò ngoan của Ngài.

Thích Ca Mâu Ni Phật suốt đời dạy học; tôi cũng đi theo con đường ấy, sống cuộc đời rày nay mai đó, chẳng ở nhất định một chỗ nào. Chỗ nào có duyên bèn tới đó. Nhưng tôi muốn giúp đỡ một số người trẻ tuổi có chí học tập, vì trong xã hội hiện thời, không chỉ là đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão thiếu nhân tài, mà những tôn giáo khác cũng không ngoại lệ. Tôi thấy chuyện này rất nhiều, nhân tài rất quan trọng. Làm thế nào để vun bồi nhân tài? Trong các buổi giảng kinh, tôi đã nêu ra các phương pháp ấy. Thật sự nương theo phương pháp của cổ nhân để tu học, phương pháp của cổ nhân được ghi trong tám câu đầu của Tam Tự Kinh, đó là nguyên tắc giáo huấn thế hệ sau cao nhất do tổ tiên truyền lại. Câu đầu tiên là “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành). Nếu quý vị muốn tiến hành giáo dục thì trước hết phải khẳng định tánh con người vốn thiện. Nếu quý vị học Phật, dạy người khác học Phật thì trước hết phải khẳng định hết thảy chúng sanh vốn là Phật. Quan niệm ấy quan trọng hơn bất cứ gì khác. Tôi dạy học với mục đích gì? Học Phật thì phải giúp họ thành Phật; tôi dạy văn hóa truyền thống của Trung Quốc là để giúp họ thành thánh nhân, được như vậy thì sự giáo học ấy mới có ý nghĩa; đây là khái niệm cơ bản quan trọng nhất.

Câu thứ hai giải thích vì sao quý vị phải dạy học: “*Tánh tương cật, tập tương viễn*” (bản tánh của con người vốn giống nhau, tập tánh khác nhau). Nói theo bản tánh, bản tánh vốn lành, bản tánh của người nào cũng giống nhau, nhưng tập tánh khiến cho chúng ta càng ngày càng cách xa bản tánh vốn lành

ấy, đó là gì? Chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh. Hiện tại, hoàn cảnh ảnh hưởng con người nhiều nhất là truyền hình và Internet, những thứ ấy đều dạy hư con người, rất đáng sợ! “*Cầu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu chẳng dạy, tánh sẽ biến đổi), đây là lý do khiến cho giáo dục phát sanh. Vì sao cần phải tiến hành giáo dục? Nếu quý vị không dạy, con người trong tương lai sẽ trở thành hư hỏng hết.

Dạy như thế nào? “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*” (phương pháp dạy học, quý ở chỗ chuyên nhất). Tám câu ấy! Đối với phương pháp này, Phật giáo cũng giống như vậy, luôn chủ trương “*chuyên công*”, tức là dồn sức vào một môn, đừng học nhiều thứ quá. Một môn đã thông suốt, các môn khác cũng sẽ thông suốt. Đó là quan niệm trong lời giáo dục của phương Đông. “*Một môn thông suốt*” là thông suốt điều gì? Kiến tánh, khai ngộ. Nếu chẳng khai ngộ, chứng tỏ quý vị chưa thông suốt. Do vậy, dạy quý vị phương pháp, đó là giữ quy củ. Giữ quy củ chính là trì giới. Trì giới đã lâu, có thể trì ba, bốn năm, những người bình phàm có căn tánh hạng trung, trì trong vòng ba bốn năm, tâm sẽ thanh tịnh. Tôi nghĩ kẻ căn tánh độn hơn một chút thì bốn hay năm năm sẽ đắc tâm thanh tịnh. Đó là đắc Định, đắc Định hai ba năm bèn mở mang trí huệ. Trí huệ mở mang, quý vị sẽ hiểu bộ kinh này, hết thấy các kinh đều thông suốt. Không chỉ thông suốt Phật pháp, mà hết thấy các pháp thế gian cũng đều thông suốt, quý vị thấy như vậy thì sẽ tiện lợi biết bao! Nếu quý vị không biết phương pháp này, cứ học rộng nghe nhiều, học càng nhiều, chỉ học được tri thức, hiểu được rất nhiều việc, nhưng những gì quý vị chưa học sẽ không hiểu. Đối với những thứ của Trung Quốc, khi quý vị đã thật sự hiểu một thứ, đối với những thứ chưa học cũng hiểu, vừa tiếp xúc liền hiểu, vừa nhìn, vừa nghe, vừa tiếp xúc, quý vị liền biết hết. Đó là gì? Đó là trí huệ vốn có trong tự tánh của quý vị, quý vị phải lấy trí huệ trong tự tánh ra [để sử dụng]. Lời dạy học truyền thống của Trung Quốc và lời dạy học trong Phật pháp đều chú trọng phương pháp này, rất có hiệu quả, các phương pháp khác chẳng thể sánh bằng. Tôi nhớ một câu nói của tiên sinh Tôn Trung Sơn, thời đó, tiên sinh đã nói: “*Người ngoại quốc chỉ mạnh hơn người Hoa hai chuyện, một là cơ khí, hai là khoa học kỹ thuật. Ngoài hai thứ đó ra, điều gì người ngoại quốc cũng chẳng bằng Trung Quốc*”. Nói rất đúng! Đối với chánh trị và triết học thì người ngoại quốc phải học theo người Trung Quốc, nói chẳng sai tí nào. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng ta học tới đây thôi!